

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17/2025/DS-PT**
Ngày 08 - 01 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền.

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hường, bà Nguyễn Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 411/2024/TLPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2024/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 442/2024/QĐ-PT ngày 16/12/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị N, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (*có mặt*).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1973 và bà Vũ Thị L, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn D, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (*vắng mặt*).

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Đỗ Thị H1, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (*theo văn bản uỷ quyền ngày 22/01/2024 - có mặt*).

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H2. Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (*có mặt*).

*** Người kháng cáo:** Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là bà Đỗ Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Vũ Thị N trình bày:**

Bà N có quen biết với vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Vũ Thị L vì là hàng xóm với nhau và có vài lần cho vợ chồng ông H, bà L vay tiền.

Khi vay tiền thì bà N đưa giấy vay tiền soạn sẵn và bà L ghi nội dung liên quan đến việc vay tiền vào các chỗ trống thống nhất như thỏa thuận của hai bên và ký vào phía dưới phần người vay. Giấy vay tiền chỉ lập 01 bản, bà N là người giữ, khi nào bà L, ông H trả đủ tiền thì bà N trả giấy vay tiền gốc.

Ngày 03/12/2019, bà L đến nhà bà N vay số tiền 150.000.000 đồng, mục đích để đáo hạn ngân hàng, hẹn một tuần trả, nếu một tuần chưa trả được thì thỏa thuận đến ngày 30/12/2020 sẽ trả, hai bên có lập giấy vay tiền với nhau, thống nhất viết trong giấy vay tiền thời hạn trả nợ là ngày 30/12/2020 và phía dưới phần người vay bà L có ký ghi rõ họ tên Vũ Thị Lệ . Khi đi vay tiền không có mặt ông H nên bà L đã ký thay vào phía dưới người vay họ tên ông Nguyễn Văn H. Giấy vay tiền này chỉ lập 01 bản, bà N là người giữ. Khi vay tiền hai bên có thỏa thuận miêng lãi suất với nhau nếu vay một tuần thì lãi suất là 3%/tháng, nếu vay 01 năm thì lãi suất là 2%/tháng. Đến thời hạn, bà L, ông H không trả nợ cho bà N theo thỏa thuận mặc dù bà N đã đòi nhiều lần.

Khoảng giữa tháng 7/2023 (không nhớ ngày cụ thể), bà L cùng bà Nguyễn Thị H2 đến nhà bà N thì bà N đưa giấy vay tiền gốc ra cho bà L xem để nhớ khoản vay còn nợ mà trả cho bà N, nhưng lợi dụng sơ hở nhà bà N có khách là chị gái bà N tên Vũ Thị D đến chơi, bà N không để ý nên bà L đã lấy giấy vay tiền gốc đối với số tiền 150.000.000 đồng, có bà H2 làm chứng đi về. Sau khi phát hiện bà L cầm giấy vay tiền gốc về thì bà N có điện thoại cho bà L yêu cầu đưa lại giấy gốc nhưng bà L cứ khất, không trả lại. Đến ngày 26/7/2023, bà N đến nhà bà L nói chuyện và có ghi âm lại cuộc đối thoại giữa bà N và bà L. Nội dung cuộc đối thoại thể hiện việc bà N có đưa giấy vay tiền gốc ra và 01 tờ giấy vay tiền photo cho bà L xem để trả nợ nhưng khi đang nói chuyện thì bà N có khách đứng lên nên bà L cầm giấy gốc đi về và yêu cầu bà L xác định số tiền mà bà L vay của bà N là 150.000.000 đồng, không liên quan đến bà H2 và bà L phải có trách nhiệm trả cho bà N.

Bà N xác định bà L chưa trả khoản vay 150.000.000 đồng cho bà N và bà L là người đang cầm giấy vay tiền gốc. Do đó, bà N yêu cầu ông H, bà L phải trả cho bà N số tiền vay là 150.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà N đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông H trả nợ và không yêu cầu tính tiền lãi.

*** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Vũ Thị L và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là bà Đỗ Thị H1 trình bày:**

Bà L thừa nhận trước đây có nhiều lần vay tiền bà N nhưng đã trả đầy đủ cả gốc và lãi. Mỗi lần vay thì bà N sẽ đưa ra một giấy vay tiền mẫu rồi ghi nội dung thỏa thuận vay, phía dưới phần người vay bà L ký ghi rõ họ tên và bà N yêu cầu bà L ký thay tên chồng là ông Nguyễn Văn H. Tất cả các lần vay ông H đều không tham gia ký kết.

Bà L xác định có vay của bà N số tiền 150.000.000 đồng nhưng không nhớ thời gian vay, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng và làm ăn kinh tế với lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả nợ là 01 năm. Khi đi vay chỉ có bà L và bà N, hai bên có lập với nhau một giấy vay tiền, phía dưới phần người vay có chữ ký, chữ viết ghi họ tên Vũ Thị L và chữ ký ghi họ tên Nguyễn Văn H do bà L ký thay; giấy vay tiền này bà N giữ. Đến năm 2023 (không nhớ ngày tháng) bà L gặp bà N ở ngoài đường và đã trả cho bà N đủ số tiền vay là 150.000.000 đồng, còn số tiền lãi đã trả đủ hàng tháng là 4.500.000 đồng nhưng không nhớ đã trả được tổng số tiền lãi là bao nhiêu. Khi trả lãi và gốc không viết giấy tờ với nhau và không có ai chứng kiến. Ngoài ra, khi trả tiền cho bà N ở ngoài đường nên bà L không lấy được giấy vay gốc. Một thời gian sau, bà L cùng bà Nguyễn Thị H2 đến nhà yêu cầu bà N đưa giấy gốc thì bà L cầm về và hủy đi. Giấy vay tiền đối với số tiền 150.000.000 đồng chỉ có 01 bản duy nhất, bà L đã hủy bỏ, hiện nay không còn. Các khoản vay của bà N đều do một mình bà L vay, không liên quan đến ông H và đối với khoản vay 150.000.000 đồng trên bà L đã trả đủ cho bà N cả lãi và gốc, hiện nay không còn nợ bất cứ khoản tiền nào. Do đó, bị đơn không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N, không đồng ý trả số tiền vay là 150.000.000 đồng.

**** Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa người làm chứng bà Nguyễn Thị H2 trình bày:***

Bà H2 với bà N, bà L là hàng xóm, làm ăn quen biết, giữa các bên không có mâu thuẫn gì với nhau. Bà H2 được biết bà L có vay bà N số tiền 150.000.000 đồng vào ngày 03/12/2019, hẹn vài ngày sẽ trả, vì khi đi vay có bà H2 đi cùng. Khoảng 05 tháng sau (tháng 5/2020), bà H2 nghe bà L nói đã trả số tiền vay này cho bà N nhưng khi bà H2 đến trả nợ cho bà N thì bà H2 vẫn thấy giấy vay tiền của bà L ở chỗ bà N nên bà H2 có hỏi bà L thì bà L cho rằng đã trả rồi. Tuy nhiên, thời gian sau đó bà H2 vẫn thấy bà N đến nhà bà L nhiều lần để yêu cầu trả nợ vì mỗi lần đến nhà bà L thì bà N hay ghé qua nhà bà H2 và có nói với bà H2 là bà L lại khát nợ.

Đến khoảng tháng 7/2023 bà L có rủ bà H2 vào nhà bà N, khi vào nhà bà N có đưa ra hai tờ giấy vay tiền, một tờ giấy vay tiền gốc và một tờ giấy vay tiền photo rồi bà N nói “*chị photo ra một tờ đây, chị định gửi H2 đưa về cho em để em lo trả nợ cho chị, vì mấy bữa nay chị đến nhà em mà không gặp được em*”, vừa nói xong có bà Vũ Thị D đến chơi nên bà N đứng dậy chào khách thì bà L lấy tờ giấy vay tiền gốc gấp nhỏ lại cầm trên tay rồi nói bà H2 đi về. Khi về đến nhà thì bà L có mở giấy vay tiền ra và nói “*hôm nay lấy được giấy gốc đây rồi, từ nay hết đòi nợ, suốt ngày gọi điện đòi*”, rồi bà L xé tờ giấy vay tiền gốc đi. Đến tối thì bà N điện thoại cho bà H2 để hỏi sao cầm giấy vay gốc về thì bà H2 mới trả lời với bà N rằng “*L đã xé rồi*”, ngay hôm sau bà N có đến nhà bà H2 hỏi bà H2 “*tiền chưa trả sao lại xé giấy vay gốc của chị, như vậy thì tôi sẽ đi kiện*”. Sau đó bà H2 có nói lại cho bà L nghe thì bà L nói với bà H2 rằng “*giấy gốc đã mất rồi thì có mà kiện củ khoai*”. Ngoài ra, khoản vay 150.000.000 đồng bà L vay của bà N không liên quan đến bà H2.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2024/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 và Quyết định sửa chữa, bổ sung Bản án sơ thẩm số: 32/2024/QĐ-SCBSBA ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị N.

Buộc bị đơn bà Vũ Thị L phải trả cho nguyên đơn bà Vũ Thị N số tiền vay là 150.000.000 đồng.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị N về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Vũ Thị L phải trả số tiền lãi là 118.856.000 đồng và buộc ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm cùng bà Vũ Thị L trả cho bà Vũ Thị N số tiền vay 150.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/10/2024, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là bà Đỗ Thị H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xem xét việc áp dụng pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm, huỷ bản án sơ thẩm để chuyển hồ sơ qua cơ quan điều tra làm rõ hành vi làm giả giấy tờ, chữ ký nhằm chiếm đoạt tài sản của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo xin rút nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn H do Bản án sơ thẩm không buộc ông H phải trả nợ cho nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn H. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Vũ Thị L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 54/2024/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là bà Đỗ Thị H1 nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên toà, bà Đỗ Thị H1 xin rút một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H do Bản án sơ thẩm không buộc ông H trả nợ cũng như chịu án phí, xét việc rút một phần kháng cáo là tự nguyện nên cần đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy: Nguyên đơn bà Vũ Thị N trình bày: Vào ngày 03/12/2019, bà L có vay của bà N số tiền 150.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, hạn đến ngày 30/12/2020 trả, khi vay bà L tự viết nội dung vay vào mẫu giấy do bà N đưa và tự ký tên bà L, đồng thời ký thay tên chồng là Nguyễn Văn H, giấy vay chỉ lập 01 bản duy nhất và do bà N giữ bản gốc, tuy nhiên hiện nay bản gốc không còn do vào tháng 7/2023, khi bà L và bà H2 đến nhà bà N, sau đó bà L lợi dụng lúc bà N sơ hở đã lấy lại giấy vay gốc, chỉ còn bản photo đã cung cấp cho Toà án và file ghi âm ngày 26/7/2023 bà L thừa nhận toàn bộ việc vay mượn cũng như tự ý lấy lại giấy vay mà chưa thực hiện trả nợ cho bà N.

Lời khai của bị đơn bà Vũ Thị L trong quá trình giải quyết vụ án có sự bất nhất, tại biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 23/4/2024 (BL 42-43), bà L thừa nhận giấy vay tiền photo mà nguyên đơn cung cấp phía dưới phần người vay là chữ viết, chữ ký của vợ chồng bà L và đúng là vợ chồng bà L có vay của bà N số tiền 150.000.000 đồng nhưng khoản vay này bà L đã trả cho bà N; tuy nhiên về sau bà L cho rằng chứng cứ này bị nhàu, mờ, tẩy xoá phần lã và chữ ký, chữ viết phía dưới người vay không phải chữ ký của bà L, yêu cầu giám định chữ ký. Tuy nhiên căn cứ vào những lời khai chốt lại cuối cùng của bà L thừa nhận trước đây có vay tiền của bà N nhiều lần, trong đó có lần vay số tiền 150.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng với thời hạn 01 năm nhưng không nhớ rõ thời gian vay, cách thức vay tiền phù hợp như nguyên đơn trình bày, giấy vay gốc chỉ lập 01 bản do bà N giữ. Bà N cho rằng, mặc dù bà L chưa trả tiền nhưng khi bà L và bà H2 đến nhà bà N, bà N có đưa giấy vay tiền gốc cho bà L xem để về lo trả nợ cho bà N, lợi dụng sơ hở khi bà N đứng dậy ra khỏi chỗ ngồi cùng các bà L, H2 để đón khách bà L đã lấy tờ giấy vay tiền gốc về và tiêu hủy. Xét lời khai của bà N là phù hợp với nội dung tại file ghi âm, nội dung dịch thuật mà bà N cung cấp. Xét quá trình tố tụng lúc đầu bà L thừa nhận giọng nói trong file ghi âm là của bà, văn bản dịch thuật có nội dung phù hợp với giọng nói của bà L.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị H2 xác định có sự việc bà L rủ bà H2 vào nhà bà N và bà N có đưa ra 02 tờ giấy vay tiền của bà L cho bà L xem, trong đó có 01 bản gốc và 01 bản photo, khi nhà bà N có khách bà L lợi dụng sơ hở lấy giấy gốc và đi về, sau đó xé bỏ. Xét thấy bà H2 không có mối quan hệ gì với các bên đương sự, lời khai của bà H2 phù hợp với lời khai của bà N, phù hợp với nội dung file ghi âm do bà N cung cấp có các nội dung nói chuyện giữa bà N và bà L (BL

32) như: bà N nói “...nhưng mà bữa hôm em đến nhà chị, chị cũng là người thật việc thật chị đưa giấy vay tiền gốc ra cho em xem”... “chị cũng có một tờ photo chó”... “chị nói là đưa tờ photo này về cho em coi để trả nợ cho chị”... “đang nói chuyện thì chị có khách, chị đứng dậy chào khách thì em đổi giấy vay tiền gốc cầm đi về”... “em vay chị thì giờ em có trách nhiệm phải trả”... “mà có đúng là bữa hôm em vay chị 150 triệu đúng không?”... “em vô tận nhà chị lấy đúng không?”... “em ghi chồng là Nguyễn Văn H em là Vũ Thị L...rồi là chị đưa tiền cho em 150 triệu đúng không?”. Trước các câu nói này thì bà L trả lời “ạ” “vâng” mà không có ý kiến phản đối, chỉ nài rằng bà H2 nói nhận trả cho bà N thay cho bà L nhưng các bên đều thừa nhận khoản vay này không liên quan đến bà H2. Bà L cho rằng, việc ghi âm không rõ thời gian, có dấu hiệu cắt ghép, nội dung không rõ ràng, bà N nói nhanh, có tiếng cãi nhau ồn ào, lúc đó tinh thần bà L không ổn định và sợ gia đình chồng biết chuyện nên bà L chỉ “ạ” “vâng” theo phép lịch sự cho qua chuyện. Xét thấy lời khai của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận, vì đứng trước các nội dung bất lợi mà bà N đang nói thì bà L không có ý kiến phản đối, bác bỏ, chỉ khi bà L nghĩ bà N đang ghi âm làm bằng chứng thì bà L mới không nói nữa. Sau đó, bà L yêu cầu giám định file ghi âm là không cần thiết.

Xét lời khai của bà N là phù hợp với sự thật khách quan, phù hợp với nội dung file ghi âm, bản dịch thuật và phù hợp với lời khai của người làm chứng bà H2. Do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Xét lời khai của bà L cho rằng đã thanh toán hết nợ gốc và nợ lãi cho bà N nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh, không được nguyên đơn thừa nhận. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với yêu cầu buộc ông H có nghĩa vụ liên đới cùng bà L trả nợ cho bà N thì tại phiên tòa sơ thẩm bà N đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông H, nội dung này là phù hợp với lời trình bày của các bên nên cấp sơ thẩm không buộc ông H trả nợ là phù hợp.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng, thấy rằng:

Sau khi tạm ngưng phiên tòa từ ngày 28/8 đến ngày 16/9/2024, Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng để đối chất làm rõ nội dung vụ án nhưng bị đơn không tham gia nên việc đối chất không thành, Tòa án chỉ ghi nhận lại lời khai của bà N, bà H2, ngoài ra không thu thập thêm tài liệu, chứng cứ nào khác. Tại phiên tòa ngày 16/9/2024 người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn yêu cầu được tiếp cận các chứng cứ này, nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm gây khó dễ nên bị đơn bỏ về. Xét thấy, nội dung kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ, bị đơn đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật Tố tụng dân sự, trong trường hợp cần thiết hoặc có đề nghị của đương sự thì Hội đồng xét xử sẽ công bố các tài liệu chứng cứ trong quá trình xét xử và công bố ngay tại phiên tòa. Tuy nhiên do bị đơn đã bỏ về không tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là phù hợp.

Đối với việc người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là bà Đỗ Thị H1 nộp đơn đề nghị thay đổi Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà thì nội dung này bà H1 không trình bày trực tiếp tại phiên toà, do trước đó đã bỏ ra về, bà H1 nộp đơn khi phiên toà đã kết thúc nên đơn được xử lý công văn đến và ngày 17/9/2024 đã có văn bản trả lời cho đương sự là đúng quy định.

[3] Từ những phân tích và nhận định trên, xét thấy Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà L phải trả cho bà N số tiền 150.000.000 đồng là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn không cung cấp được chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở xem xét, cần giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông H rút đơn kháng cáo tại phiên toà nên cũng phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Đỗ Thị H1 là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn H.

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị H1 là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Vũ Thị Lệ .

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2024/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị N.

[1] Buộc bị đơn bà Vũ Thị L phải trả cho nguyên đơn bà Vũ Thị N số tiền vay là 150.000.000 đồng (*một trăm năm mươi triệu đồng*).

[2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị N về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Vũ Thị L phải trả số tiền lãi là 118.856.000 đồng (*một trăm mười tám triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn đồng*) và buộc ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm cùng bà Vũ Thị L trả cho bà Vũ Thị N số tiền vay 150.000.000 đồng (*một trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bị đơn bà Vũ Thị L còn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Vũ Thị L phải chịu 7.500.000 đồng (*bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Vũ Thị N số tiền 6.721.400 đồng (*sáu triệu bảy trăm hai mươi một nghìn bốn trăm đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0004941 ngày 15/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện E.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị L mỗi người phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ trong số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số AA/2023/0000721 và AA/2023/000072 cùng ngày 14/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Kar;
- CCTHADS huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

Lê Thị Thanh Huyền